



**DANH SÁCH CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẠT KẾT QUẢ
KỲ KIỂM TRA TẬP SỰ HÀNH NGHỀ CÔNG CHỨNG LẦN THỨ NĂM**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1404 /QĐ-HĐKT ngày 08/5/2025
của Hội đồng kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng lần thứ năm)*

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	MB-14	Trần Duy	Anh	Nam	12/12/1997	Hà Nội	58.63	88
2	MB-24	Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	22/10/1998	Hà Nội	51.00	64
3	MB-35	Nguyễn Phương	Anh	Nữ	01/5/1994	Hà Nội	50.00	72
4	MB-36	Nguyễn Thị Phương	Anh	Nữ	19/6/1996	Quảng Ninh	54.38	62
5	MB-37	Vương Quốc	Anh	Nam	05/9/1997	Hà Nội	51.13	74
6	MB-38	Hồ Vũ Quỳnh	Anh	Nữ	30/5/1990	Hà Nội	60.00	76
7	MB-48	Lương Thị Trung	Anh	Nữ	09/11/1994	Hà Nội	56.00	62
8	MB-60	Đặng Thị Vân	Anh	Nữ	22/10/1986	Hải Phòng	51.75	78
9	MB-67	Hứa Ngọc	Ánh	Nam	23/01/1994	Hà Nội	51.00	74
10	MB-68	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	Nữ	10/10/1994	Hà Nội	62.50	76
11	MB-71	Trần Ngọc	Ánh	Nữ	15/6/1993	Nghệ An	51.00	70
12	MB-85	Mã Đình	Bây	Nam	01/11/1993	Yên Bái	53.25	84
13	MB-86	Nguyễn Thị Hồng	Bích	Nữ	11/4/1993	Quảng Ninh	52.00	84
14	MB-87	Đào Thị	Bích	Nữ	15/10/1989	Hà Nội	59.50	76
15	MB-93	Vũ Thanh	Bình	Nữ	14/11/1986	Lào Cai	63.75	62
16	MB-95	Nguyễn Thị	Bình	Nữ	01/9/1992	Bắc Ninh	50.50	60
17	MB-111	Bùi Lê Lan	Chi	Nữ	01/6/1989	Gia Lai	53.50	74
18	MB-112	Quách Linh	Chi	Nữ	17/3/1995	Thái Nguyên	51.00	84
19	MB-116	Phạm Chí	Chiến	Nam	31/7/1996	Đà Nẵng	51.00	74
20	MB-120	Nguyễn Thị Mai	Chinh	Nữ	14/4/1985	Hải Phòng	50.75	82
21	MB-125	Nguyễn Thị	Chính	Nữ	14/12/1990	Bắc Giang	50.63	76
22	MB-144	Doãn Bảo	Cường	Nam	30/10/1992	Hà Nội	50.50	62
23	MB-148	Nguyễn Khắc	Cường	Nam	15/01/1981	Đà Nẵng	50.25	86
24	MB-149	Khổng Trọng	Cường	Nam	13/6/1994	Phú Thọ	52.75	74
25	MB-158	Nguyễn Ngọc	Đại	Nam	25/9/1990	Hà Nội	50.38	74
26	MB-163	Lê Thị Linh	Đan	Nữ	18/8/1992	Quảng Bình	51.13	64
27	MB-167	Hoàng Hữu	Đạo	Nam	15/5/1995	Bắc Giang	50.88	74
28	MB-173	Nguyễn Hoàng	Diễm	Nữ	28/12/1989	Quảng Nam	51.25	68
29	MB-175	Nguyễn Thị Xuân	Diễm	Nữ	10/8/1995	Quảng Nam	51.75	86

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm
30	MB-176	Hà Thị	Diên	Nữ	15/02/1994	Thái Nguyên	52.00	66
31	MB-179	Trương Ngọc	Diệp	Nữ	26/11/1997	Đắk Lắk	69.25	84
32	MB-180	Dương Thị	Diệp	Nữ	10/12/1995	Thái Nguyên	58.13	84
33	MB-189	Nguyễn Thục	Đoan	Nữ	22/5/1991	Quảng Ngãi	51.00	74
34	MB-202	Ngô Thanh Huỳnh	Đức	Nam	07/11/1997	Hà Nội	52.88	74
35	MB-208	Đinh Thị Kiều	Dung	Nữ	08/3/1989	Bình Định	53.38	84
36	MB-213	Phạm Thị Kim	Dung	Nữ	14/7/1992	Hòa Bình	52.00	50
37	MB-237	Nguyễn Văn	Dũng	Nam	20/8/1992	Hải Phòng	50.38	70
38	MB-258	Trương Mỹ	Duyên	Nữ	21/7/1996	Thái Nguyên	50.13	74
39	MB-266	Hoàng Thị Hương	Giang	Nữ	02/6/1999	Hà Nội	54.13	74
40	MB-270	Bùi Thị Thu	Giang	Nữ	01/02/1993	Phú Thọ	50.63	68
41	MB-281	Nguyễn Ngọc	Hà	Nữ	01/10/1994	Hà Nội	50.00	54
42	MB-288	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	18/8/1995	Hòa Bình	50.00	84
43	MB-296	Trần Thu	Hà	Nữ	01/5/1994	Hà Nội	53.63	74
44	MB-331	Vương Thanh	Hằng	Nữ	28/3/1996	Hà Nội	54.38	62
45	MB-332	Bùi Thị	Hằng	Nữ	19/9/1992	Hà Nội	61.50	82
46	MB-336	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	16/8/1991	Thanh Hóa	50.88	60
47	MB-350	Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	30/10/1989	Thanh Hóa	53.88	70
48	MB-354	Trần Thị Thúy	Hằng	Nữ	16/4/1995	Nghệ An	60.75	64
49	MB-355	Nguyễn Thị	Hành	Nữ	09/5/1986	Hà Tĩnh	54.50	70
50	MB-356	Chu Thị Bích	Hạnh	Nữ	16/9/1991	Hà Nội	55.00	66
51	MB-362	Nguyễn Hồng	Hạnh	Nữ	26/6/1991	Nghệ An	51.25	68
52	MB-363	Hứa Thị Hồng	Hạnh	Nữ	07/8/1993	Đắk Lắk	60.25	74
53	MB-364	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	Nữ	03/11/1980	Hà Nội	55.00	56
54	MB-368	Vũ Huy	Hạnh	Nam	14/8/1982	Hải Phòng	50.00	58
55	MB-372	Hoàng Thị	Hạnh	Nữ	21/3/1993	Thái Nguyên	53.00	60
56	MB-374	Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	13/11/1984	Quảng Nam	54.75	68
57	MB-380	Đỗ Như	Hào	Nữ	09/9/1996	Vĩnh Phúc	54.25	66
58	MB-391	Lê Thị	Hiên	Nữ	10/4/1998	Hà Nội	52.00	76
59	MB-395	Tiêu Thị Minh	Hiên	Nữ	21/3/1990	Hải Dương	50.88	76
60	MB-415	Phan Thị Thu	Hiên	Nữ	24/7/1993	Hà Nội	50.25	72
61	MB-420	Nguyễn Văn	Hiện	Nam	10/5/1990	Hải Phòng	59.13	74
62	MB-422	Lê Đình	Hiệp	Nam	08/11/1997	Hà Nội	58.00	76
63	MB-424	Chế Thị Hồng	Hiệp	Nữ	23/01/1995	Bình Định	59.75	86
64	MB-425	Nguyễn Hoàng	Hiệp	Nam	25/10/1990	Hòa Bình	50.00	68
65	MB-426	Đỗ Lê Anh	Hiếu	Nam	20/12/1988	Thừa Thiên Huế	50.25	52
66	MB-429	Nguyễn Thị Thanh	Hiếu	Nữ	18/9/1989	Hải Phòng	58.25	70
67	MB-430	Phan Thị	Hiếu	Nữ	20/10/1991	Nghệ An	50.13	68
68	MB-434	Trần Trung	Hiếu	Nam	28/11/1997	Hà Nội	50.63	78
69	MB-439	Trần Thị Minh	Hoa	Nữ	27/10/1991	Hải Phòng	56.88	78

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm
70	MB-440	Nguyễn Thị Phương	Hoa	Nữ	24/9/1996	Hà Nội	52.00	70
71	MB-442	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	Nữ	12/6/1993	Bắc Ninh	50.00	86
72	MB-447	Bùi Thị Thanh	Hòa	Nữ	18/11/1976	Bình Định	50.00	72
73	MB-448	Bùi Thị	Hòa	Nữ	23/01/1992	Quảng Ninh	50.63	74
74	MB-449	Đỗ Thị	Hòa	Nữ	16/11/1990	Hà Nội	58.75	82
75	MB-451	Vũ Trung	Hòa	Nam	30/12/1996	Hà Nam	58.50	76
76	MB-453	Trần Nguyễn Bích	Hoài	Nữ	02/6/1994	Thừa Thiên Huế	52.00	62
77	MB-457	Võ Thị	Hoài	Nữ	27/8/1994	Nghệ An	65.50	78
78	MB-460	Trịnh Thị	Hoan	Nữ	15/5/1990	Thanh Hóa	53.00	68
79	MB-461	Phan Duy	Hoàn	Nam	25/4/1991	Thái Nguyên	62.00	70
80	MB-470	Nguyễn Thị Bích	Hồng	Nữ	19/7/1998	Kon Tum	52.50	74
81	MB-471	Vũ Diệu	Hồng	Nữ	12/7/1993	Lạng Sơn	58.50	62
82	MB-473	Lê Thị Thanh	Hồng	Nữ	06/5/1990	Nghệ An	50.00	76
83	MB-477	Dương Thị	Hồng	Nữ	01/7/1995	Hà Nội	61.50	66
84	MB-478	Hà Thị	Hồng	Nữ	02/12/1996	Thanh Hóa	50.00	56
85	MB-480	Lê Thị	Hồng	Nữ	20/9/1995	Đà Nẵng	59.00	76
86	MB-493	Hoàng Thị Thanh	Huế	Nữ	05/6/1983	Hải Phòng	51.38	68
87	MB-494	Đàm Thị	Huế	Nữ	12/8/1992	Hà Nội	53.00	66
88	MB-501	Vũ Mạnh	Hùng	Nam	04/10/1966	Hà Nội	54.63	66
89	MB-518	Hoàng Ngọc	Hưng	Nam	24/9/1991	Thanh Hóa	50.50	68
90	MB-537	Cao Thị Thu	Hương	Nữ	02/4/1996	Hà Nội	50.13	68
91	MB-550	Lê Thị	Hường	Nữ	02/7/1976	Quảng Trị	51.00	88
92	MB-552	Nguyễn Thị	Hường	Nữ	15/6/1993	Hà Nội	51.75	80
93	MB-567	Phạm Quang	Huy	Nam	08/01/1988	Nghệ An	51.75	78
94	MB-570	Nguyễn Thị Lệ	Huyền	Nữ	05/9/1990	Đắk Lắk	54.88	68
95	MB-581	Mai Thị	Huyền	Nữ	24/4/1994	Điện Biên	51.00	82
96	MB-585	Phạm Thị	Huyền	Nữ	20/11/1990	Hải Phòng	52.00	70
97	MB-605	Nguyễn Quốc Bảo	Khôi	Nam	03/8/1999	Hưng Yên	50.25	70
98	MB-629	Nguyễn Đình	Lam	Nam	07/7/1990	Đắk Lắk	52.50	76
99	MB-636	Lư Ngọc	Lan	Nữ	03/8/1992	Hà Nội	51.63	80
100	MB-641	Lê Thị	Lan	Nữ	13/02/1990	Đắk Lắk	53.00	72
101	MB-643	Lê Thị	Lan	Nữ	21/12/1993	Thanh Hóa	50.50	70
102	MB-646	Ngô Thị	Lan	Nữ	28/5/1994	Hà Nội	59.50	64
103	MB-651	Lê Thị Yến	Lan	Nữ	28/10/1993	Gia Lai	50.00	72
104	MB-655	Nguyễn Thị Như	Lê	Nữ	04/7/1995	Quảng Nam	59.63	78
105	MB-663	Nguyễn Thị Kim	Liên	Nữ	08/7/1995	Hà Nội	50.00	60
106	MB-670	Nguyễn Diệu	Linh	Nữ	14/12/1994	Hà Nội	55.75	92
107	MB-671	Nguyễn Diệu	Linh	Nữ	05/12/1995	Hà Nội	50.50	68
108	MB-673	Phạm Thị Diệu	Linh	Nữ	19/10/1995	Bắc Ninh	50.50	82
109	MB-675	Vũ Diệu	Linh	Nữ	08/4/1994	Phú Thọ	50.00	70

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm
110	MB-676	Nguyễn Thị Giang	Linh	Nữ	03/7/1994	Hà Nội	50.00	58
111	MB-677	Từ Công Hải	Linh	Nam	14/8/1992	Quảng Bình	66.50	80
112	MB-680	Phạm Lâm Khánh	Linh	Nữ	31/01/1987	Đà Nẵng	50.00	54
113	MB-681	Phạm Thị Khánh	Linh	Nữ	10/7/1995	Ninh Bình	50.50	68
114	MB-682	Trương Khánh	Linh	Nữ	23/10/1997	Đà Nẵng	50.50	54
115	MB-683	Vũ Mạnh	Linh	Nam	15/6/1989	Thanh Hóa	51.00	60
116	MB-685	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	Nữ	13/12/1996	Hà Tĩnh	50.00	56
117	MB-691	Hoàng Nhật	Linh	Nam	17/8/1990	Quảng Bình	50.00	86
118	MB-692	Hoàng Phương	Linh	Nữ	03/12/1997	Bắc Ninh	53.50	86
119	MB-694	Bùi Thị	Linh	Nữ	01/6/1991	Hải Dương	55.50	80
120	MB-695	Bùi Thị	Linh	Nữ	02/02/1988	Thái Bình	50.00	66
121	MB-699	Trần Thị	Linh	Nữ	19/9/1995	Khánh Hòa	59.00	80
122	MB-700	Bùi Thùy	Linh	Nữ	11/10/1981	Thái Nguyên	52.50	74
123	MB-712	Phan Thị Thanh	Loan	Nữ	08/6/1992	Phú Thọ	61.00	76
124	MB-719	Nguyễn Thị	Loan	Nữ	06/12/1996	Thanh Hóa	55.25	82
125	MB-726	Lê Bá Hoàng	Long	Nam	01/8/1995	Khánh Hòa	50.63	78
126	MB-737	Phạm Văn	Long	Nam	06/02/1995	Ninh Thuận	50.13	62
127	MB-739	Nguyễn Văn	Luân	Nam	10/3/1991	Hà Nội	58.50	70
128	MB-742	Vũ Quang	Lương	Nam	02/3/1998	Thanh Hóa	50.13	70
129	MB-744	Đỗ Thị	Lương	Nữ	31/12/1996	Hà Nội	54.00	84
130	MB-745	Nguyễn Thị	Lương	Nữ	26/10/1990	Thái Nguyên	58.25	74
131	MB-752	Nguyễn Thị Lưu	Luyến	Nữ	30/5/1990	Phú Thọ	50.25	74
132	MB-754	Chu Cẩm	Ly	Nữ	25/8/1992	Đắk Lắk	53.00	68
133	MB-755	Nguyễn Thị Khánh	Ly	Nữ	24/9/1990	Nghệ An	50.38	72
134	MB-756	Trịnh Thảo	Ly	Nữ	26/11/1995	Thanh Hóa	50.25	76
135	MB-758	Lê Thủy	Ly	Nữ	06/6/1996	Quảng Nam	55.25	76
136	MB-760	Trần Trang	Ly	Nữ	05/9/1994	Phú Thọ	50.25	54
137	MB-766	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	Nữ	08/02/1992	Đắk Lắk	51.25	68
138	MB-772	Trần Thị	Mai	Nữ	19/9/1992	Hà Nội	52.75	72
139	MB-786	Đỗ Anh	Minh	Nam	31/01/1996	Thanh Hóa	55.50	82
140	MB-787	Phan Bình	Minh	Nam	10/12/1993	Đắk Lắk	53.63	84
141	MB-811	Nguyễn Hải	Nam	Nam	16/8/1990	Hải Phòng	51.13	84
142	MB-814	Nguyễn Nhất	Nam	Nam	21/12/1994	Hà Nội	68.38	86
143	MB-820	Phạm Văn	Nam	Nam	15/8/1993	Hà Nội	51.50	64
144	MB-822	Nguyễn Hồng	Nga	Nữ	23/7/1994	Hà Nội	50.75	78
145	MB-824	Nguyễn Thị Phương	Nga	Nữ	13/3/1994	Hà Nội	56.38	78
146	MB-831	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Nữ	04/01/1990	Thanh Hóa	50.88	70
147	MB-835	Ngô Thị Phương	Ngân	Nữ	19/9/1997	Nam Định	54.63	74
148	MB-846	Cáp Thị Bảo	Ngọc	Nữ	21/10/1994	Gia Lai	53.63	86
149	MB-858	Hồ Thanh Minh	Ngọc	Nữ	04/8/1987	Bắc Ninh	51.88	72

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm
150	MB-866	Hoàng Văn	Ngọc	Nam	06/12/1990	Quảng Ninh	50.50	74
151	MB-883	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	Nữ	06/02/1994	Kon Tum	50.75	80
152	MB-885	Vũ Thị	Nhàn	Nữ	10/02/1996	Hà Nội	53.25	84
153	MB-886	Hoàng Quốc	Nhân	Nam	05/11/1992	Nghệ An	52.00	84
154	MB-887	Phạm Thị	Nhanh	Nữ	30/11/1964	Hà Nội	50.50	70
155	MB-889	Đoàn Thị Nhi	Nhật	Nữ	07/8/1991	Đắk Lắk	56.38	66
156	MB-890	Lê Văn	Nhật	Nam	03/5/1986	Hà Nội	56.25	64
157	MB-898	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	22/8/1999	Hà Nội	52.13	62
158	MB-899	Phạm Thị Hồng	Nhung	Nữ	21/3/1994	Hà Nội	52.50	74
159	MB-900	Trần Thị Hồng	Nhung	Nữ	22/12/1995	Hà Nội	51.75	72
160	MB-907	Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	10/01/1997	Lào Cai	52.75	66
161	MB-912	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	Nữ	14/4/1979	Hà Nội	51.63	74
162	MB-914	Vũ Thị Thùy	Ninh	Nữ	02/12/1994	Hà Nội	51.38	70
163	MB-922	Nguyễn Thị Kim	Oanh	Nữ	28/10/1996	Hà Nội	51.75	72
164	MB-930	Trần Tiến	Phát	Nam	06/8/1998	Hà Nội	62.00	70
165	MB-944	Phan Thị Hà	Phương	Nữ	25/5/1993	Lào Cai	65.75	72
166	MB-945	Trịnh Thị Hà	Phương	Nữ	06/3/1995	Thanh Hóa	57.50	80
167	MB-947	Phạm Thị Hồng	Phương	Nữ	02/6/1991	Thái Bình	58.50	82
168	MB-948	Nguyễn Lan	Phương	Nữ	06/7/1988	Hà Nội	56.00	74
169	MB-951	Lê Mai	Phương	Nữ	24/02/1995	Hà Nội	55.25	60
170	MB-952	Nguyễn Mai	Phương	Nữ	18/11/1996	Phú Thọ	57.38	72
171	MB-964	Hà Thị	Phương	Nữ	24/7/1992	Hòa Bình	53.50	74
172	MB-966	Lương Thị	Phương	Nữ	20/01/1995	Hà Nội	52.50	50
173	MB-967	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	20/8/1991	Bắc Giang	54.00	68
174	MB-968	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	21/11/1994	Hải Dương	60.25	66
175	MB-969	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	15/11/1994	Ninh Bình	62.50	70
176	MB-974	Trương Thị Thu	Phương	Nữ	23/3/1991	Hà Nội	65.50	82
177	MB-984	Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	29/4/1993	Hà Nội	54.75	84
178	MB-986	Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	29/11/1983	Hà Nội	60.25	80
179	MB-987	Phan Thị	Phượng	Nữ	24/10/1996	Nghệ An	52.75	74
180	MB-997	Lê Việt	Quang	Nam	08/4/1981	Bình Định	51.63	84
181	MB-999	Nguyễn Thị Hồng	Quý	Nữ	20/02/1996	Đà Nẵng	51.63	68
182	MB-1010	Nguyễn Thị	Quyên	Nữ	05/8/1999	Hà Nội	57.13	88
183	MB-1014	Hoàng Văn	Quyên	Nam	10/5/1991	Hà Nội	53.63	82
184	MB-1017	Đỗ Như	Quỳnh	Nữ	19/6/1993	Thanh Hóa	54.25	72
185	MB-1021	Lê Thị Như	Quỳnh	Nữ	17/01/1997	Quảng Trị	55.25	70
186	MB-1025	Chu Thị	Quỳnh	Nữ	12/12/1997	Hà Nội	50.00	80
187	MB-1029	Trương Thị Xuân	Quỳnh	Nữ	14/10/1997	Quảng Nam	50.00	66
188	MB-1051	Hà Ngọc	Son	Nam	21/8/1993	Bắc Ninh	50.25	64
189	MB-1062	Nguyễn Anh	Tài	Nam	24/7/1987	Hải Phòng	51.75	68

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm
190	MB-1069	Doãn Thị	Tâm	Nữ	04/10/1990	Đắk Lắk	50.75	68
191	MB-1071	Phạm Thị	Tâm	Nữ	04/11/1984	Hải Dương	55.00	76
192	MB-1086	Trần Thị Hồng	Thắm	Nữ	31/5/1983	Vĩnh Phúc	50.50	64
193	MB-1087	Trương Thị Hồng	Thắm	Nữ	09/6/1995	Hà Nội	66.50	84
194	MB-1089	Lương Thị	Thắm	Nữ	15/9/1992	Quảng Ninh	58.00	68
195	MB-1090	Trần Cao	Thắng	Nam	19/3/1991	Hà Nội	51.75	80
196	MB-1092	Nguyễn Đăng	Thắng	Nam	17/6/1991	Hà Nội	55.25	80
197	MB-1094	Ngô Mạnh	Thắng	Nam	31/10/1994	Hà Nội	55.88	90
198	MB-1097	Đỗ Quang	Thắng	Nam	23/7/1995	Hà Nội	55.10	82
199	MB-1102	Nguyễn Thị Huyền	Thanh	Nữ	15/10/1990	Hà Nội	55.75	60
200	MB-1103	Nguyễn Kim	Thanh	Nữ	21/9/1996	Hà Nội	60.50	70
201	MB-1104	Hoàng Thị Kim	Thanh	Nữ	12/02/1992	Hà Nội	66.75	66
202	MB-1108	Phạm Thị Thanh	Thanh	Nữ	20/11/1996	Hà Nội	50.25	54
203	MB-1111	Hoàng Thị	Thanh	Nữ	03/6/1991	Thanh Hóa	52.00	74
204	MB-1119	Từ Mạnh	Thành	Nam	19/12/1971	Hà Nội	50.25	60
205	MB-1120	Võ Thị Mỹ	Thành	Nữ	14/9/1992	Quảng Nam	50.50	78
206	MB-1124	Phạm Văn	Thành	Nam	12/01/1994	Ninh Thuận	56.50	84
207	MB-1126	Mai Ngọc	Thảo	Nữ	05/4/1987	Ninh Thuận	50.50	56
208	MB-1127	Lê Phương	Thảo	Nữ	16/02/1993	Đắk Lắk	53.50	80
209	MB-1133	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	22/9/1995	Hải Phòng	55.00	66
210	MB-1136	Trần Phương	Thảo	Nữ	07/8/1993	Hà Nội	50.50	82
211	MB-1143	Lê Thị	Thảo	Nữ	01/8/1993	Hà Nội	50.00	70
212	MB-1144	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	19/8/1988	Nghệ An	50.75	56
213	MB-1148	Trịnh Thị	Thảo	Nữ	03/10/1992	Hòa Bình	53.38	78
214	MB-1149	Vũ Thị	Thảo	Nữ	27/9/1991	Hà Nội	50.88	74
215	MB-1151	Nguyễn Thu	Thảo	Nữ	05/4/1995	Hà Nội	53.75	84
216	MB-1152	Nguyễn Thu	Thảo	Nữ	09/4/1989	Quảng Nam	54.00	74
217	MB-1156	Tạ Thị Thu	Thảo	Nữ	24/9/1995	Hà Nội	55.50	80
218	MB-1157	Trần Thị Thu	Thảo	Nữ	23/7/1995	Hà Nội	53.00	72
219	MB-1158	Vũ Thu	Thảo	Nữ	08/9/1997	Hà Nội	55.50	84
220	MB-1161	Vũ Thị	Thêu	Nữ	04/9/1990	Thái Bình	53.50	70
221	MB-1166	Nguyễn Tấn Trường	Thọ	Nam	16/01/1993	Quảng Nam	55.50	82
222	MB-1172	Cao Thị	Thoa	Nữ	29/9/1995	Hà Nội	55.00	76
223	MB-1177	Nguyễn Thị Hoài	Thu	Nữ	05/9/1993	Lào Cai	53.50	76
224	MB-1178	Phan Thị Hoài	Thu	Nữ	02/8/1993	Hà Nội	50.25	78
225	MB-1180	Hoàng Lệ	Thu	Nữ	08/10/1995	Hà Nội	51.75	80
226	MB-1189	Trần Thị Xuân	Thu	Nữ	19/02/1996	Quảng Ninh	50.25	76
227	MB-1191	Trần Anh	Thư	Nữ	29/4/1981	Ninh Thuận	53.00	86
228	MB-1192	Nguyễn Thị Hồng	Thư	Nữ	28/6/1997	Hà Nội	50.00	80
229	MB-1223	Hoàng Thị	Thúy	Nữ	09/02/1994	Hà Nội	51.25	70

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm
230	MB-1224	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	20/11/1992	Bình Định	58.00	82
231	MB-1227	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	05/01/1995	Quảng Ninh	70.88	94
232	MB-1229	Trần Thị	Thúy	Nữ	09/02/1987	Hải Dương	51.63	70
233	MB-1233	Doãn	Thùy	Nam	30/3/1984	Quảng Ninh	50.88	74
234	MB-1241	Cầm Thị Kim	Thùy	Nữ	07/10/1993	Sơn La	52.38	78
235	MB-1257	Trần Lê Thu	Thùy	Nữ	09/7/1995	Đà Nẵng	50.63	74
236	MB-1258	Nguyễn Thu	Thùy	Nữ	01/8/1995	Hà Nội	59.63	84
237	MB-1261	Trương Thị Thu	Thùy	Nữ	25/9/1992	Hà Nội	53.75	74
238	MB-1265	Đồng Thị Minh	Thy	Nữ	22/8/1996	Đà Nẵng	52.50	64
239	MB-1267	Bùi Thị Thủy	Tiên	Nữ	29/01/1995	Hải Phòng	57.38	60
240	MB-1271	Hoàng Trung	Tiến	Nam	19/7/1995	Hà Nội	56.25	58
241	MB-1273	Nguyễn Văn	Tiến	Nam	10/4/1995	Hà Tĩnh	54.00	80
242	MB-1295	Phạm Bảo	Trân	Nữ	31/5/1986	Phú Yên	52.63	74
243	MB-1296	Lê Thị Đài	Trang	Nữ	27/10/1993	Kon Tum	52.38	74
244	MB-1316	Lê Quỳnh	Trang	Nữ	01/01/1981	Hải Phòng	50.50	56
245	MB-1319	Lê Thị Quỳnh	Trang	Nữ	08/02/1997	Nghệ An	50.00	76
246	MB-1327	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	03/7/1994	Hà Nội	51.63	68
247	MB-1328	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	10/5/1993	Quảng Bình	51.25	70
248	MB-1335	Lại Thị Thu	Trang	Nữ	26/9/1996	Hà Nội	51.25	78
249	MB-1339	Trần Thị Thu	Trang	Nữ	15/8/1992	Hà Nội	53.75	72
250	MB-1346	Bùi Văn	Tri	Nam	06/7/1985	Nghệ An	50.50	82
251	MB-1347	Nguyễn Thị Huyền	Trình	Nữ	08/02/1988	Hà Nội	50.63	86
252	MB-1348	Mai Ngọc	Trình	Nữ	07/7/1993	Đắk Lắk	50.25	90
253	MB-1354	Mã Thị	Trình	Nữ	10/5/1991	Hà Nội	50.00	74
254	MB-1379	Dương Quang	Tú	Nam	10/10/1992	Gia Lai	50.25	84
255	MB-1409	Nguyễn Văn	Tuyển	Nam	10/12/1979	Thừa Thiên Huế	54.75	90
256	MB-1412	Đỗ Thị	Tuyển	Nữ	24/5/1990	Hà Nội	50.25	80
257	MB-1414	Vũ Mai	Tuyết	Nữ	26/10/1991	Hà Nội	51.00	66
258	MB-1415	Đỗ Thị Thanh	Tuyết	Nữ	21/01/1993	Hà Nội	60.50	74
259	MB-1417	Văn Thị	Tuyết	Nữ	17/12/1996	Thanh Hóa	53.00	78
260	MB-1422	Nguyễn Hoàng Phi	Uyển	Nữ	10/8/1991	Nghệ An	58.00	64
261	MB-1423	Lê Thị Cẩm	Vân	Nữ	20/7/1991	Quảng Ninh	51.00	70
262	MB-1426	Hồ Hà	Vân	Nữ	18/02/1986	Đắk Lắk	50.25	62
263	MB-1427	Nguyễn Hồng	Vân	Nữ	29/11/1993	Hà Nội	53.75	66
264	MB-1428	Nguyễn Hồng	Vân	Nữ	03/3/1998	Hà Nội	51.25	80
265	MB-1431	Nguyễn Thanh	Vân	Nữ	16/8/1988	Nam Định	50.25	76
266	MB-1433	Nguyễn Thị	Vân	Nữ	15/9/1991	Nghệ An	52.50	66
267	MB-1436	Trần Thị	Vân	Nữ	10/7/1993	Hà Tĩnh	54.25	76
268	MB-1438	Lê Thị Tường	Vân	Nữ	08/5/1983	Hải Dương	50.00	74
269	MB-1442	Nguyễn Thị Anh	Vi	Nữ	16/12/1997	Kon Tum	53.25	94

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm
270	MB-1443	Trần Nguyễn Thảo	Vi	Nữ	05/4/1996	Gia Lai	51.88	60
271	MB-1449	Lê Xuân	Vĩ	Nữ	28/8/1993	Quảng Nam	50.25	68
272	MB-1458	Hán Văn	Vinh	Nam	25/9/1993	Phú Thọ	50.00	86
273	MB-1470	Trần Trọng	Vượng	Nam	15/01/1963	Quảng Bình	50.63	84
274	MB-1477	Nguyễn Thị	Xuân	Nữ	26/3/1984	Nghệ An	50.50	60
275	MB-1479	Phạm Thanh	Xuyên	Nam	03/8/1990	Hà Nội	50.50	70
276	MB-1492	Đỗ Thị Hoàng	Yến	Nữ	09/10/1992	Quảng Ninh	53.88	62
277	MN-02	Trần Thị Nhân	Ái	Nữ	15/01/1995	Bà Rịa - Vũng Tàu	50.50	68
278	MN-23	Nguyễn Thị Kim	Anh	Nữ	04/10/1993	Tp. Hồ Chí Minh	54.75	78
279	MN-30	Nguyễn Hồ Như	Anh	Nữ	01/11/1993	Tây Ninh	52.50	76
280	MN-32	Tạ Quý	Anh	Nam	30/4/1983	Đồng Nai	50.00	64
281	MN-34	Cầm Nguyễn Quỳnh	Anh	Nữ	16/3/1997	Lâm Đồng	55.50	76
282	MN-40	Đặng Thị Vân	Anh	Nữ	28/10/1996	Bình Dương	56.00	82
283	MN-41	Đỗ Thị Vân	Anh	Nữ	24/12/1993	Đồng Nai	50.50	90
284	MN-43	Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	25/12/1991	Tp. Hồ Chí Minh	51.00	62
285	MN-45	Lê Thị Ngọc	Ánh	Nữ	26/11/1992	Tp. Hồ Chí Minh	52.00	58
286	MN-46	Trần Hoàng Quang	Ánh	Nữ	12/02/1981	Tp. Hồ Chí Minh	60.50	80
287	MN-54	Nguyễn Minh	Bảo	Nam	19/5/1994	Vĩnh Long	52.00	86
288	MN-60	Nguyễn Văn	Bi	Nam	18/3/1991	Tp. Hồ Chí Minh	50.50	86
289	MN-76	Đỗ Thị	Bình	Nữ	22/10/1992	Bình Dương	52.25	66
290	MN-79	Trần Văn	Bình	Nam	17/9/1996	Bình Phước	68.00	94
291	MN-85	Trương Văn	Can	Nam	19/10/1992	Cần Thơ	50.25	70
292	MN-88	Hà Văn	Cánh	Nam	24/6/1992	Tp. Hồ Chí Minh	62.63	70
293	MN-91	Nguyễn Thế	Cần	Nam	22/12/1986	Tp. Hồ Chí Minh	50.00	76
294	MN-93	Lê Minh	Có	Nam	16/6/1997	Cần Thơ	59.63	80
295	MN-95	Vũ Thành	Công	Nam	02/5/1991	Tp. Hồ Chí Minh	50.13	76
296	MN-100	Nguyễn Cao	Cường	Nam	08/12/1990	Tp. Hồ Chí Minh	58.88	84
297	MN-103	Nguyễn Đức	Cường	Nam	12/4/1993	Tp. Hồ Chí Minh	51.00	82
298	MN-104	Lê Hồng	Cường	Nam	07/5/1993	Tp. Hồ Chí Minh	55.00	76
299	MN-111	Nguyễn Việt	Cường	Nam	21/8/1988	Bà Rịa - Vũng Tàu	51.50	64
300	MN-114	Võ Thị	Chân	Nữ	01/01/1996	Cà Mau	50.50	72
301	MN-117	Phạm Ngọc Minh	Châu	Nữ	30/4/1991	Tp. Hồ Chí Minh	58.00	86
302	MN-120	Hồ Thị Mặc	Chi	Nữ	20/6/1997	Tp. Hồ Chí Minh	58.88	80
303	MN-132	Nguyễn	Chính	Nam	26/6/1997	Tp. Hồ Chí Minh	50.25	74
304	MN-150	Lê Thị	Diệp	Nữ	20/6/1992	Tp. Hồ Chí Minh	55.13	74
305	MN-162	Phạm Ngọc Phương	Dung	Nữ	24/8/1994	Đồng Nai	50.00	68
306	MN-164	Trần Thị Phương	Dung	Nữ	06/10/1991	Tp. Hồ Chí Minh	50.63	78
307	MN-166	Cao Thị Thùy	Dung	Nữ	14/02/1992	Tp. Hồ Chí Minh	50.25	70
308	MN-186	Võ Cao Phương	Duy	Nam	17/8/1995	Bạc Liêu	50.00	62
309	MN-187	Nguyễn Quốc	Duy	Nam	21/7/1993	Long An	50.75	74

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm
310	MN-191	Phạm Thị Hải	Duyên	Nữ	05/8/1993	Tp. Hồ Chí Minh	53.00	74
311	MN-193	Lê Thị Mỹ	Duyên	Nữ	28/8/1996	Long An	50.00	80
312	MN-194	Phan Thị Mỹ	Duyên	Nữ	17/9/1995	Cần Thơ	61.25	62
313	MN-197	Danh	Dương	Nam	07/9/1995	Cần Thơ	54.25	64
314	MN-204	Phan Thụy Thùy	Dương	Nữ	15/10/1996	Tp. Hồ Chí Minh	52.63	76
315	MN-207	Lương Văn	Đa	Nam	22/12/1985	Lâm Đồng	50.33	60
316	MN-209	Kiều Ngọc	Đài	Nữ	17/3/1995	Tp. Hồ Chí Minh	56.50	62
317	MN-210	Nguyễn Trang	Đài	Nữ	06/10/1991	Cà Mau	55.13	70
318	MN-212	Bùi Văn	Đại	Nam	27/02/1996	Cần Thơ	52.63	76
319	MN-214	Võ	Đang	Nam	02/8/1995	Tây Ninh	50.13	72
320	MN-218	Lý Thị Hồng	Đào	Nữ	30/6/1988	Cà Mau	57.00	66
321	MN-219	Cao Thị Ngọc	Đào	Nữ	07/9/1995	Long An	51.50	66
322	MN-220	Nguyễn Hữu	Đạt	Nam	02/9/1994	Tp. Hồ Chí Minh	58.50	66
323	MN-222	Nguyễn Phước	Đạt	Nam	28/3/1992	Long An	51.38	82
324	MN-225	Nguyễn Thành	Đạt	Nam	26/7/1994	Tây Ninh	51.25	80
325	MN-226	Võ Thành	Đạt	Nam	27/4/1996	Tp. Hồ Chí Minh	58.25	84
326	MN-233	Võ Thị Hồng	Đẹp	Nữ	13/7/1987	Cần Thơ	56.00	62
327	MN-234	Đàm Thị	Đẹp	Nữ	25/10/1995	Tp. Hồ Chí Minh	51.50	78
328	MN-235	Phan Minh	Diễn	Nam	18/01/1993	Tp. Hồ Chí Minh	50.75	82
329	MN-240	Trần Chí	Đinh	Nam	11/10/1996	Cà Mau	50.75	76
330	MN-251	Phạm Nguyên	Đông	Nam	11/7/1995	Đắk Nông	50.50	68
331	MN-279	Hoàng Thị	Giang	Nữ	15/4/1994	Bình Phước	51.13	74
332	MN-283	Võ Thị Cẩm	Giang	Nữ	15/5/1995	Bà Rịa - Vũng Tàu	56.25	76
333	MN-289	Lữ Ngọc	Hà	Nữ	02/9/1993	Tp. Hồ Chí Minh	56.50	86
334	MN-295	Nông Thị Thu	Hà	Nữ	01/11/1998	Đồng Nai	50.00	62
335	MN-296	Phạm Thị Thu	Hà	Nữ	11/01/1994	Lâm Đồng	50.50	56
336	MN-298	Trần Thị Việt	Hà	Nữ	29/9/1994	Tp. Hồ Chí Minh	59.00	78
337	MN-299	Lê Văn	Hạ	Nam	13/6/1975	Bình Thuận	53.00	58
338	MN-308	Nguyễn Thị Minh	Hải	Nữ	19/8/1986	Tp. Hồ Chí Minh	50.50	72
339	MN-311	Nguyễn Thanh	Hải	Nam	02/9/1987	Tp. Hồ Chí Minh	50.50	60
340	MN-318	Bùi Việt	Hải	Nam	26/7/1990	Tp. Hồ Chí Minh	50.50	76
341	MN-334	Thái Thị Kim	Hằng	Nữ	19/01/1992	Bình Dương	50.50	80
342	MN-353	Đặng Thị	Hân	Nữ	02/9/1990	Tp. Hồ Chí Minh	53.00	68
343	MN-360	Lê Văn	Hậu	Nam	20/11/1997	Cần Thơ	50.13	90
344	MN-362	Vũ Thị	Hiên	Nữ	11/5/1991	Bình Dương	50.00	68
345	MN-368	Nguyễn Thị	Hiên	Nữ	17/4/1994	Lâm Đồng	51.00	82
346	MN-394	Lê Thị Kim	Hoa	Nữ	14/9/1993	Tp. Hồ Chí Minh	63.25	74
347	MN-398	Lương Thị Quỳnh	Hoa	Nữ	14/11/1989	Tp. Hồ Chí Minh	50.00	70
348	MN-403	Huỳnh Hữu	Hoà	Nam	27/01/1997	Lâm Đồng	51.25	82
349	MN-404	Nguyễn Duy	Hòa	Nam	15/3/1996	Tp. Hồ Chí Minh	60.13	76

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm
350	MN-413	Đinh Thị	Hoài	Nữ	10/2/1993	Tp. Hồ Chí Minh	50.00	74
351	MN-416	Lê Văn	Hoài	Nam	23/4/1996	Bà Rịa - Vũng Tàu	50.00	76
352	MN-430	Bùi Thị Ánh	Hồng	Nữ	22/9/1994	Tp. Hồ Chí Minh	51.38	74
353	MN-477	Văn Thị	Huyền	Nữ	06/8/1992	Tp. Hồ Chí Minh	50.00	74
354	MN-484	Nguyễn Thị Diễm	Huỳnh	Nữ	16/10/1992	Tp. Hồ Chí Minh	51.13	78
355	MN-490	Nguyễn Văn	Hưng	Nam	01/5/1991	Bà Rịa - Vũng Tàu	50.75	76
356	MN-500	Nguyễn Thị Thanh	Hương	Nữ	21/02/1995	Tp. Hồ Chí Minh	53.00	92
357	MN-522	Trần Thị Lộc	Kiều	Nữ	03/4/1995	Tp. Hồ Chí Minh	51.88	70
358	MN-524	Bùi Thị	Kiều	Nữ	02/4/1985	Cần Thơ	50.63	76
359	MN-538	Hồ Nguyễn Hoàng	Khánh	Nam	08/9/1995	Cần Thơ	52.00	82
360	MN-543	Chế Quang	Khánh	Nam	25/4/1994	Lâm Đồng	53.00	82
361	MN-560	Lương Diễm	Lam	Nữ	05/6/1993	Cà Mau	50.63	76
362	MN-561	Đàm Thị Mỹ	Lan	Nữ	04/4/1994	Lâm Đồng	50.88	72
363	MN-570	Trần Thị	Lê	Nữ	01/02/1995	Bà Rịa - Vũng Tàu	53.50	74
364	MN-573	Trương Thị Mỹ	Lê	Nữ	06/3/1985	Tp. Hồ Chí Minh	51.50	68
365	MN-578	Đào Thị Kim	Liên	Nữ	28/11/1995	Đồng Nai	51.38	64
366	MN-581	Đỗ Thị	Liên	Nữ	15/10/1988	Đồng Nai	51.13	78
367	MN-592	Hoàng Mỹ	Linh	Nữ	12/8/1993	Bình Phước	52.63	78
368	MN-595	Nguyễn Như Ngọc	Linh	Nữ	27/8/1997	Tp. Hồ Chí Minh	52.13	72
369	MN-603	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	25/9/1993	Bình Dương	55.00	82
370	MN-621	Nguyễn Đức	Long	Nam	29/4/1995	Bình Dương	53.13	54
371	MN-630	Hoàng Thị	Lộc	Nữ	15/12/1990	Tp. Hồ Chí Minh	53.38	80
372	MN-632	Nguyễn Ngọc	Lời	Nam	05/02/1992	Tp. Hồ Chí Minh	52.38	68
373	MN-641	Đồng Thanh	Luận	Nam	01/01/1996	Bình Dương	50.38	80
374	MN-648	Nguyễn Hữu	Lục	Nam	20/11/1990	Bình Dương	52.25	76
375	MN-649	Trần Quốc	Lục	Nam	15/10/1994	Đắk Nông	50.50	82
376	MN-666	Nguyễn Ngọc	Mai	Nữ	03/8/1994	Tp. Hồ Chí Minh	52.88	68
377	MN-667	Bùi Thị Ngọc	Mai	Nữ	07/02/1986	Cần Thơ	50.75	74
378	MN-668	Đào Thị Phương	Mai	Nữ	20/9/1990	Tp. Hồ Chí Minh	50.88	80
379	MN-669	Hà Thị Tuyết	Mai	Nữ	07/7/1995	Tp. Hồ Chí Minh	50.13	78
380	MN-671	Hoàng Thị	Mai	Nữ	22/5/1985	Long An	65.00	88
381	MN-673	Nguyễn Thị Trúc	Mai	Nữ	31/10/1985	Bình Dương	59.00	58
382	MN-675	Trần Thị Xuân	Mai	Nữ	25/10/1976	Tp. Hồ Chí Minh	50.00	60
383	MN-677	Nông Thị Trà	Mi	Nữ	21/12/1989	Tp. Hồ Chí Minh	50.00	70
384	MN-678	Đinh Thị Bảo	Minh	Nữ	04/10/1989	Bình Phước	59.50	68
385	MN-685	Trần Quang	Minh	Nam	17/10/1999	Lâm Đồng	53.50	62
386	MN-686	Nguyễn Thị Quế	Minh	Nữ	26/3/1992	Bình Dương	51.00	70
387	MN-689	Lưu Thị	Minh	Nữ	26/8/1997	Bình Dương	51.00	76
388	MN-694	Phạm Thị Thúy	Mơ	Nữ	12/12/1984	Tp. Hồ Chí Minh	50.50	70
389	MN-695	Nguyễn Thị	Mùi	Nữ	19/3/1991	Long An	69.00	92

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm
390	MN-697	Hồ Văn	Mùng	Nam	28/01/1997	Cần Thơ	52.00	68
391	MN-698	Đinh Danh	Mười	Nam	10/10/1988	Tp. Hồ Chí Minh	50.00	68
392	MN-700	Nguyễn Thị Diễm	My	Nữ	19/12/1994	Tp. Hồ Chí Minh	50.00	66
393	MN-701	Hoàng Nguyễn Hà	My	Nữ	21/12/1999	Tp. Hồ Chí Minh	51.38	56
394	MN-702	Nguyễn Thị	My	Nữ	12/4/1997	Lâm Đồng	54.50	72
395	MN-703	Trần Thị	My	Nữ	02/5/1996	Tp. Hồ Chí Minh	54.25	70
396	MN-704	Nguyễn Thị Kim	Mỹ	Nữ	29/8/1996	Tp. Hồ Chí Minh	50.00	60
397	MN-709	Nguyễn Hải	Nam	Nam	22/12/1976	Tp. Hồ Chí Minh	50.00	58
398	MN-711	Vương Thị Phương	Nam	Nữ	30/12/1990	Tây Ninh	57.75	70
399	MN-712	Thái Quốc	Nam	Nam	07/3/1993	Tp. Hồ Chí Minh	57.50	74
400	MN-722	Trịnh Thị	Năm	Nữ	06/4/1991	Tp. Hồ Chí Minh	51.00	72
401	MN-726	Nguyễn Thị	Nương	Nữ	13/10/1984	Cần Thơ	53.63	60
402	MN-727	Mai Thị Thu	Nương	Nữ	10/10/1998	Đồng Nai	55.88	68
403	MN-730	Nguyễn Thị Hồng	Nga	Nữ	06/4/1978	Tp. Hồ Chí Minh	51.00	74
404	MN-734	Huỳnh Thị Tố	Nga	Nữ	18/11/1992	Tp. Hồ Chí Minh	50.50	64
405	MN-741	Trịnh Thị Hồng	Ngát	Nữ	31/10/1994	Bình Dương	50.25	68
406	MN-743	Võ Huỳnh	Ngân	Nữ	07/11/1994	Tiền Giang	50.50	72
407	MN-749	Phạm Minh	Ngân	Nữ	09/9/1994	Tp. Hồ Chí Minh	55.50	78
408	MN-766	Mạc Thị Mỹ	Ngoan	Nữ	01/10/1993	Kiên Giang	50.00	64
409	MN-775	Lê Duy	Ngọc	Nam	25/10/1992	Tp. Hồ Chí Minh	50.00	72
410	MN-777	Nguyễn Đình	Ngọc	Nam	22/7/1991	Tp. Hồ Chí Minh	50.38	88
411	MN-781	Thạch Thị Phương	Ngọc	Nữ	24/9/1992	Cần Thơ	50.63	68
412	MN-803	Đinh Thị	Nguyễn	Nữ	25/11/1991	Bình Dương	50.63	64
413	MN-815	Nguyễn Thị Tuyết	Nhàn	Nữ	29/5/1986	Đồng Tháp	51.63	72
414	MN-816	Lê Thanh	Nhàn	Nữ	15/7/1996	Bến Tre	53.38	78
415	MN-818	Hà Thị	Nhanh	Nữ	12/9/1996	Cần Thơ	53.50	84
416	MN-824	Lê Tấn	Nhân	Nam	18/10/1996	Tp. Hồ Chí Minh	50.13	72
417	MN-828	Nguyễn Trọng	Nhân	Nam	25/3/1990	Tp. Hồ Chí Minh	50.63	74
418	MN-833	Cao Thị Hà	Nhi	Nữ	03/7/1996	Đồng Nai	51.75	74
419	MN-842	Lưu Thúy	Nhi	Nữ	03/6/1993	Tp. Hồ Chí Minh	51.00	74
420	MN-860	Cao Thị	Nhung	Nữ	28/6/1982	Tp. Hồ Chí Minh	50.75	76
421	MN-867	Đào Thị Hà	Như	Nữ	01/4/1996	Tp. Hồ Chí Minh	51.00	78
422	MN-873	Dương Thị	Như	Nữ	03/02/1994	Tp. Hồ Chí Minh	64.50	78
423	MN-876	Nguyễn Yến	Như	Nữ	15/9/1984	Cần Thơ	51.50	68
424	MN-879	Lê Minh Hoàng	Oanh	Nữ	09/3/1989	Lâm Đồng	50.50	58
425	MN-885	Nguyễn Thị	Oanh	Nữ	05/9/1991	Bình Dương	54.50	80
426	MN-896	Hoàng Tuấn	Phong	Nam	17/4/1996	Bình Phước	54.00	52
427	MN-898	Nguyễn Thanh	Phong	Nam	19/3/1982	Long An	53.50	50
428	MN-901	Trần Văn	Phòng	Nam	01/01/1972	Tp. Hồ Chí Minh	63.50	80
429	MN-904	Phạm Công	Phúc	Nam	02/01/1980	Tp. Hồ Chí Minh	51.50	78

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm
430	MN-905	Hứa Thị Diễm	Phúc	Nữ	24/9/1997	Đồng Tháp	56.50	84
431	MN-912	Nguyễn Minh	Phúc	Nam	16/9/1996	Bình Dương	51.50	76
432	MN-913	Nguyễn Ngọc	Phúc	Nam	07/9/1997	Đồng Tháp	60.50	76
433	MN-922	Huỳnh Kim	Phụng	Nữ	27/01/1993	Lâm Đồng	53.00	70
434	MN-928	Đặng Hoàng	Phước	Nam	27/02/1993	Tp. Hồ Chí Minh	52.00	72
435	MN-937	Trương Thị Loan	Phương	Nữ	04/02/1990	Cần Thơ	50.00	82
436	MN-955	Phạm Thị Bích	Phượng	Nữ	27/8/1995	Bình Phước	50.25	54
437	MN-963	Nguyễn Minh	Quân	Nam	02/01/1992	Tiền Giang	50.63	82
438	MN-967	Bùi Thị Kim	Quý	Nữ	28/5/1992	Tp. Hồ Chí Minh	53.63	80
439	MN-980	Hoàng Nguyễn Tú	Quyên	Nữ	27/02/1991	Bình Phước	51.50	80
440	MN-981	Võ Thị Thảo	Quyên	Nữ	28/7/1996	Cần Thơ	51.00	68
441	MN-989	Mai Như	Quỳnh	Nữ	09/9/1997	Tp. Hồ Chí Minh	50.38	80
442	MN-1010	Nguyễn Văn	Sĩ	Nam	26/02/1996	Cần Thơ	50.63	80
443	MN-1016	Lê Minh	Sơn	Nam	21/11/1987	Vĩnh Long	51.00	56
444	MN-1017	Phạm Ngọc	Sơn	Nam	06/5/1996	Tp. Hồ Chí Minh	66.50	68
445	MN-1021	Đặng Trung	Sơn	Nam	09/4/1978	Tp. Hồ Chí Minh	53.00	76
446	MN-1028	Nguyễn Văn	Sương	Nam	12/3/1993	Đồng Nai	61.00	76
447	MN-1030	Nguyễn	Sỹ	Nam	11/11/1975	Bà Rịa - Vũng Tàu	50.00	66
448	MN-1033	Nguyễn Đức	Tài	Nam	03/8/1987	Long An	51.00	64
449	MN-1040	Phạm Văn	Tàu	Nam	28/12/1991	Tp. Hồ Chí Minh	50.75	76
450	MN-1041	Trần Thị Băng	Tâm	Nữ	30/11/1992	Tp. Hồ Chí Minh	58.50	86
451	MN-1042	Trần Công	Tâm	Nam	28/11/1990	Bình Phước	50.50	54
452	MN-1044	Trần Thị Linh	Tâm	Nữ	15/3/1991	Tp. Hồ Chí Minh	71.00	80
453	MN-1047	Đoàn Nhật	Tâm	Nam	20/4/1995	Tp. Hồ Chí Minh	63.00	80
454	MN-1048	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	Nữ	09/9/1984	Tp. Hồ Chí Minh	51.00	58
455	MN-1052	Lê Xuân	Tâm	Nam	01/7/1994	Tp. Hồ Chí Minh	52.50	78
456	MN-1053	Võ Thị Tố	Tâm	Nữ	21/7/1988	Bà Rịa - Vũng Tàu	54.00	56
457	MN-1094	Nguyễn Thị Ngọc	Toàn	Nữ	26/10/1983	Tp. Hồ Chí Minh	50.88	70
458	MN-1116	Trần Anh	Tuấn	Nam	17/12/1979	Tp. Hồ Chí Minh	51.38	62
459	MN-1117	Trần Anh	Tuấn	Nam	24/10/1991	Tp. Hồ Chí Minh	50.63	86
460	MN-1118	Vũ Anh	Tuấn	Nam	25/10/1996	Trà Vinh	51.25	80
461	MN-1121	Trương Đình	Tuấn	Nam	11/3/1992	Đồng Nai	50.25	66
462	MN-1132	Nguyễn Thành	Tuấn	Nam	01/4/1997	Bình Thuận	50.50	52
463	MN-1138	Nguyễn Bùi	Tùng	Nam	20/3/1988	Tây Ninh	55.50	74
464	MN-1139	Lê Quang Hoàng	Tùng	Nam	24/02/1996	Tp. Hồ Chí Minh	50.63	86
465	MN-1143	Nông Thị	Tuyền	Nữ	26/6/1991	Lâm Đồng	52.25	70
466	MN-1152	Bùi Thị Thanh	Tuyền	Nữ	13/8/1992	Tp. Hồ Chí Minh	59.50	86
467	MN-1159	Vũ Thị Ánh	Tuyết	Nữ	29/7/1993	Lâm Đồng	61.25	78
468	MN-1161	Phạm Bích	Tuyết	Nữ	17/10/1976	Tp. Hồ Chí Minh	51.25	60
469	MN-1164	Đỗ Thị	Tuyết	Nữ	12/02/1982	Bà Rịa - Vũng Tàu	52.25	72

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm
470	MN-1171	Lê Văn Thanh	Tường	Nam	15/7/1994	Tp. Hồ Chí Minh	60.88	82
471	MN-1188	Nguyễn Thới Phương	Thanh	Nữ	24/09/1993	Tp. Hồ Chí Minh	52.75	78
472	MN-1194	Lê Văn	Thanh	Nam	28/11/1990	Tp. Hồ Chí Minh	53.00	74
473	MN-1197	Nguyễn Công	Thành	Nam	27/7/1993	Tp. Hồ Chí Minh	50.25	80
474	MN-1199	Đặng Chí	Thành	Nam	11/11/1997	Tp. Hồ Chí Minh	53.50	86
475	MN-1202	Nguyễn Minh	Thành	Nam	01/3/1989	Tp. Hồ Chí Minh	52.25	82
476	MN-1225	Đoàn Thị Phương	Thảo	Nữ	23/12/1992	Tp. Hồ Chí Minh	53.75	78
477	MN-1226	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	26/5/1994	Bình Dương	59.75	94
478	MN-1229	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	Nữ	05/5/1995	Tp. Hồ Chí Minh	50.75	68
479	MN-1231	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	18/3/1993	Bình Dương	51.38	76
480	MN-1234	Trần Thị	Thảo	Nữ	13/7/1985	Bà Rịa - Vũng Tàu	51.75	84
481	MN-1254	Hoàng Văn	Thắng	Nam	09/11/1992	Tp. Hồ Chí Minh	69.13	92
482	MN-1284	Nguyễn Thị	Thoa	Nữ	19/11/1990	Bình Dương	50.00	68
483	MN-1293	Nguyễn Thị	Thom	Nữ	13/12/1994	Tp. Hồ Chí Minh	50.13	68
484	MN-1295	Trần Thị Cẩm	Thu	Nữ	14/11/1997	Tp. Hồ Chí Minh	50.50	80
485	MN-1309	Nguyễn Văn	Thuận	Nam	10/6/1993	Bến Tre	50.00	90
486	MN-1311	Nguyễn Thị Mộng	Thủy	Nữ	25/9/1991	Bình Phước	54.50	84
487	MN-1316	Đồng Thị Minh	Thùy	Nữ	08/11/1995	Tp. Hồ Chí Minh	50.00	78
488	MN-1318	Trần Thị	Thùy	Nữ	29/9/1994	Tp. Hồ Chí Minh	53.75	78
489	MN-1320	Phạm Ngọc	Thủy	Nữ	21/01/1988	Tp. Hồ Chí Minh	54.50	80
490	MN-1329	Nịnh Thị	Thủy	Nữ	08/3/1995	Đắk Nông	54.38	74
491	MN-1331	Phan Thị	Thủy	Nữ	13/8/1992	Bình Dương	51.50	80
492	MN-1336	Lê Thanh	Thúy	Nữ	19/3/1991	Tp. Hồ Chí Minh	54.25	74
493	MN-1350	Nguyễn Minh	Thư	Nữ	04/12/1996	Cần Thơ	50.50	74
494	MN-1355	Vũ Minh	Thư	Nữ	27/10/1995	Tp. Hồ Chí Minh	52.00	86
495	MN-1358	Nguyễn Chí	Thức	Nam	04/01/1993	Hậu Giang	51.25	88
496	MN-1362	Đặng Thị Hoài	Thương	Nữ	30/8/1993	Tp. Hồ Chí Minh	50.38	72
497	MN-1363	Nguyễn Thị Hoài	Thương	Nữ	01/3/1997	Tp. Hồ Chí Minh	55.25	80
498	MN-1364	Trần Hoài	Thương	Nữ	19/6/1998	Tp. Hồ Chí Minh	51.38	76
499	MN-1366	Lê Thị	Thương	Nữ	10/10/1995	Bình Dương	51.63	68
500	MN-1373	Nguyễn Thị Cẩm	Trang	Nữ	14/01/1987	Bình Phước	61.50	76
501	MN-1383	Danh Thị Kiều	Trang	Nữ	24/5/1990	Kiên Giang	55.50	72
502	MN-1395	Lê Thị	Trang	Nữ	09/11/1994	Tp. Hồ Chí Minh	51.00	90
503	MN-1399	Đinh Thị Thu	Trang	Nữ	22/11/1994	Tp. Hồ Chí Minh	51.00	82
504	MN-1417	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	Nữ	17/11/1992	Bình Dương	51.25	68
505	MN-1418	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	Nữ	07/10/1995	Tp. Hồ Chí Minh	51.50	70
506	MN-1428	Phạm Nguyễn Huyền	Trân	Nữ	05/6/1992	Cần Thơ	51.50	90
507	MN-1448	Nguyễn Thị	Trinh	Nữ	26/11/1996	Bình Phước	61.75	88
508	MN-1462	Đoàn Phạm Sơn	Trung	Nam	12/3/1979	Long An	52.00	82
509	MN-1469	Lê Nhật	Trường	Nam	08/11/1995	Long An	50.63	68

STT	Số báo danh	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi đăng ký tập sự	Điểm bài kiểm tra viết	Điểm bài kiểm tra trắc nghiệm
510	MN-1483	Hà Thị Hồng	Vân	Nữ	02/8/1995	Tp. Hồ Chí Minh	55.38	92
511	MN-1520	Nguyễn Thị Hồng	Vy	Nữ	15/9/1993	Tp. Hồ Chí Minh	52.00	82
512	MN-1521	Huỳnh Nguyễn Lan	Vy	Nữ	11/12/1994	Tp. Hồ Chí Minh	51.13	64
513	MN-1524	Kiều Tường	Vy	Nữ	24/11/1992	Tp. Hồ Chí Minh	55.38	78
514	MN-1527	Trần Thị Tường	Vy	Nữ	12/12/1994	Tp. Hồ Chí Minh	62.50	90
515	MN-1538	Phùng Văn	Xuyên	Nam	04/12/1988	Đắk Nông	50.63	60
516	MN-1539	Phạm Thái Kim	Yên	Nữ	03/6/1994	Tp. Hồ Chí Minh	52.25	84
517	MN-1545	Bùi Thị Hồng	Yên	Nữ	05/5/1994	Tây Ninh	50.75	74
518	MN-1550	Phạm Thị Kim	Yên	Nữ	20/7/1990	An Giang	53.00	70
519	MN-1553	Hồ Thị	Yên	Nữ	16/9/1993	Tp. Hồ Chí Minh	52.25	56

Ng